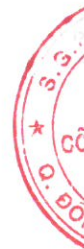


**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

**MẪU SỐ B 01a-DNPNT**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150+190)	<b>100</b>		<b>3,142,155,217,837</b>	<b>2,920,074,712,113</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>405,051,111,457</b>	<b>450,501,664,604</b>
1. Tiền	111		155,051,111,457	420,501,664,604
2. Các khoản tương đương tiền	112		250,000,000,000	30,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>983,291,523,664</b>	<b>476,066,011,734</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		986,050,741,809	479,236,770,751
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2,759,218,145)	(3,170,759,017)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>937,221,649,566</b>	<b>1,192,396,234,560</b>
1. Phải thu khách hàng	131		715,745,393,113	721,455,378,551
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	381,682,884,245	333,154,676,524
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	334,062,508,868	388,300,702,027
2. Trả trước cho người bán	132		9,595,011,153	7,430,570,087
3. Các khoản phải thu khác	135	9	253,774,521,526	504,517,142,995
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(41,893,276,226)	(41,006,857,073)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>60,360,190,201</b>	<b>61,251,509,501</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	53,448,629,901	53,396,706,197
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		48,025,507,040	49,994,885,421
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		5,423,122,861	3,401,820,776
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,424,948,997	1,705,167,417
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	4,486,611,303	6,149,635,887
<b>V. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>	<b>12</b>	<b>756,230,742,949</b>	<b>739,859,291,714</b>
1. Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	191		473,398,743,896	424,816,344,062
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		282,831,999,053	315,042,947,652
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>691,027,035,831</b>	<b>818,933,278,995</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>13,174,667,774</b>	<b>13,411,594,192</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	13,174,667,774	13,411,594,192
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7,000,000,000	7,000,000,000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		6,174,667,774	6,411,594,192
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6,687,282,638</b>	<b>7,564,163,702</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	3,903,359,164	4,232,703,752
<i>Nguyên giá</i>	222		22,524,290,015	22,289,081,815
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(18,620,930,851)	(18,056,378,063)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	2,783,923,474	3,331,459,950
<i>Nguyên giá</i>	228		7,064,854,959	7,064,854,959
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4,280,931,485)	(3,733,395,009)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>621,370,802,312</b>	<b>783,438,876,674</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		621,370,802,312	783,438,876,674
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>49,794,283,107</b>	<b>14,518,644,427</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		49,794,283,107	14,518,644,427
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>3,833,182,253,668</b>	<b>3,739,007,991,108</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

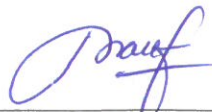

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

**MẪU SỐ B 01a-DNPNT**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>2,753,875,513,462</b>	<b>2,665,978,859,870</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2,670,215,140,646</b>	<b>2,622,534,556,236</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		593,241,902,735	417,067,202,252
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	15	577,324,556,447	414,130,228,505
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		15,917,346,288	2,936,973,747
3. Người mua trả tiền trước	313		4,813,935,046	4,962,810,268
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	7,891,982,014	16,915,329,610
5. Phải trả người lao động	315		53,158,013,128	56,076,034,465
6. Chi phí phải trả	316		104,919,830	108,954,044
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	10,732,748,191	8,424,697,824
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	143,576,690,541	133,239,429,733
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		728,869,895	8,534,951
10. Dự phòng nghiệp vụ	329	18	1,855,966,079,266	1,985,731,563,089
10.1. Dự phòng phí, dự phòng toán học bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		1,194,363,744,945	1,243,304,655,032
10.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		551,331,163,093	638,290,134,566
10.3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối	329.3		110,271,171,228	104,136,773,491
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>83,660,372,816</b>	<b>43,444,303,634</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		1,000,000	1,000,000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		83,659,372,816	43,443,303,634
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>1,079,306,740,206</b>	<b>1,073,029,131,238</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>1,079,306,740,206</b>	<b>1,073,029,131,238</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		14,458,693,490	14,108,796,294
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64,848,046,716	58,920,334,944
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>3,833,182,253,668</b>	<b>3,739,007,991,108</b>


Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Thường trực điều hành

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2023

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 2 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**MẪU SỐ B 02a-DNPNT**

Đơn vị: VND

**PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 2 năm 2023	Quý 2 năm 2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2022
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	472,921,862,886	644,663,463,635	909,315,423,290	1,217,939,009,632
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	42,176,291,683	91,732,597,350	54,013,368,623	116,079,226,920
3. Thu nhập khác	13	(463,274,172)	421,998,902	613,036,640	712,358,599
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	437,692,193,133	618,154,144,815	819,037,605,126	1,136,373,263,110
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	610,229,684	6,204,867,692	(31,107,478)	13,633,794,626
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	72,625,154,029	89,130,792,879	135,533,466,156	142,235,297,683
7. Chi phí khác	24	(67,800,620)	20,431,320	521,708,913	62,004,135
8. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	3,775,104,171	23,307,823,181	8,880,155,836	42,426,235,597
9. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2,913,901,860	18,546,825,467	6,997,943,912	34,840,767,619



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

Quý 1 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**MẪU SỐ B 02a-DNPNT**

Đơn vị: VND

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG:**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2023	Quý 2 năm 2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2022
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>604,598,755,529</b>	<b>775,500,035,159</b>	<b>1,178,578,551,287</b>	<b>1,460,939,484,395</b>
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		579,120,160,603	764,480,254,375	1,113,294,948,015	1,421,199,280,436
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		7,538,504,977	14,143,382,499	16,342,693,185	19,700,340,982
- Tăng/(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		(17,940,089,949)	3,123,601,715	(48,940,910,087)	(20,039,862,977)
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)</b>	<b>02</b>	<b>21</b>	<b>250,124,076,384</b>	<b>209,479,543,427</b>	<b>467,615,467,637</b>	<b>377,962,017,186</b>
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		262,004,686,555	246,053,341,283	516,197,867,471	420,647,039,328
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		11,880,610,171	36,573,797,856	48,582,399,834	42,685,022,142
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)</b>	<b>03</b>		<b>354,474,679,145</b>	<b>566,020,491,732</b>	<b>710,963,083,650</b>	<b>1,082,977,467,209</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)</b>	<b>04</b>		<b>118,447,183,741</b>	<b>78,642,971,903</b>	<b>198,352,339,640</b>	<b>134,961,542,423</b>
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		59,471,394,160	46,125,496,118	114,045,408,315	102,401,047,303
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		58,975,789,581	32,517,475,785	84,306,931,325	32,560,495,120
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)</b>	<b>10</b>		<b>472,921,862,886</b>	<b>644,663,463,635</b>	<b>909,315,423,290</b>	<b>1,217,939,009,632</b>
<b>6. Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)</b>	<b>11</b>		<b>290,200,050,721</b>	<b>256,058,649,520</b>	<b>544,954,539,661</b>	<b>399,641,578,651</b>
- Tổng chi bồi thường	11.1		290,200,050,721	256,058,649,520	544,954,539,661	399,641,578,651
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý 100%)	11.2		-	-	-	-
<b>7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>12</b>		<b>113,463,439,874</b>	<b>91,852,576,019</b>	<b>204,635,291,719</b>	<b>140,054,326,902</b>
<b>8. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>13</b>		<b>(56,909,311,006)</b>	<b>71,518,284,485</b>	<b>(86,958,971,473)</b>	<b>163,220,226,453</b>
<b>9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>14</b>		<b>(15,915,489,995)</b>	<b>59,125,035,956</b>	<b>(32,210,948,599)</b>	<b>93,373,969,317</b>
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)</b>	<b>15</b>	<b>22</b>	<b>135,742,789,836</b>	<b>176,599,322,030</b>	<b>285,571,225,068</b>	<b>329,433,508,885</b>
<b>11. Tăng dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối</b>	<b>16</b>		<b>3,246,870,368</b>	<b>5,329,717,037</b>	<b>6,134,397,737</b>	<b>10,202,525,821</b>
<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)</b>	<b>17</b>	<b>23</b>	<b>298,702,532,929</b>	<b>436,225,105,748</b>	<b>527,331,982,321</b>	<b>796,737,228,404</b>
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		26,352,138,680	67,546,383,665	48,505,863,906	94,183,924,623
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		272,350,394,249	368,678,722,083	478,826,118,415	702,553,303,781
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)</b>	<b>18</b>		<b>437,692,193,133</b>	<b>618,154,144,815</b>	<b>819,037,605,126</b>	<b>1,136,373,263,110</b>
<b>14. LN (Lỗ) gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)</b>	<b>19</b>		<b>35,229,669,753</b>	<b>26,509,318,820</b>	<b>90,277,818,164</b>	<b>81,565,746,522</b>


**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2023	Quý 2 năm 2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2022
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	24	42,176,291,683	91,732,597,350	54,013,368,623	116,079,226,920
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	25	610,229,684	6,204,867,692	(31,107,478)	13,633,794,626
<b>17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)</b>	<b>25</b>		<b>41,566,061,999</b>	<b>85,527,729,658</b>	<b>54,044,476,101</b>	<b>102,445,432,294</b>
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	72,625,154,029	89,130,792,879	135,533,466,156	142,235,297,683
<b>19. LN (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>4,170,577,723</b>	<b>22,906,255,599</b>	<b>8,788,828,109</b>	<b>41,775,881,133</b>
20. Thu nhập khác	31		(463,274,172)	421,998,902	613,036,640	712,358,599
21. Chi phí khác	32		(67,800,620)	20,431,320	521,708,913	62,004,135
<b>22. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(395,473,552)</b>	<b>401,567,582</b>	<b>91,327,727</b>	<b>650,354,464</b>
<b>23. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>3,775,104,171</b>	<b>23,307,823,181</b>	<b>8,880,155,836</b>	<b>42,426,235,597</b>
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		861,202,311	4,760,997,714	1,882,211,924	7,585,467,978
25. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>24. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>2,913,901,860</b>	<b>18,546,825,467</b>	<b>6,997,943,912</b>	<b>34,840,767,619</b>


Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởng
  
 Nguyễn Thành Quang  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Thường trực điều hành

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2023

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

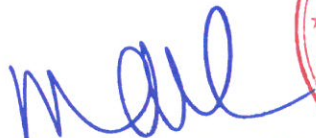
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Quý 2 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**MẪU SỐ B 03a-DNPNT**

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 2	
		Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	712,501,598,426	912,471,153,632	1,591,040,898,234	2,490,983,510,912
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(598,060,875,365)	(653,429,798,265)	(1,077,135,177,204)	(1,912,425,145,121)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(64,802,968,991)	(76,526,319,135)	(160,467,395,393)	(289,841,032,605)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(1,597,054,606)	-	(2,847,591,317)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	9,078,371,478	5,953,475,922	11,166,242,001	25,181,849,212
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(50,835,171,898)	(43,853,272,205)	(98,516,006,238)	(168,642,076,604)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7,880,953,650</b>	<b>143,018,185,343</b>	<b>266,088,561,400</b>	<b>142,409,514,477</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(215,290,000)	(2,144,211,300)	(440,900,000)	(2,918,891,300)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(766,000,000,000)	(213,500,000,000)	(878,000,000,000)	(383,501,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	199,000,000,000	134,000,000,000	289,000,000,000	271,500,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(24,000,005,000)	-	(668,404,105,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	196,227,686,317	-	261,059,776,317	341,427,423,241
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13,175,772,076	12,159,165,387	16,745,803,612	190,393,959,908
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(357,811,831,607)</b>	<b>(93,485,050,913)</b>	<b>(311,635,320,071)</b>	<b>(251,502,613,151)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4,649,348)	(183,374,004)	(20,671,718)	(2,059,654,372)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4,649,348)</b>	<b>(183,374,004)</b>	<b>(20,671,718)</b>	<b>(2,059,654,372)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(349,935,527,305)</b>	<b>49,349,760,426</b>	<b>(45,567,430,389)</b>	<b>(111,152,753,046)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>754,815,297,006</b>	<b>171,389,349,342</b>	<b>450,501,664,604</b>	<b>331,894,290,934</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	171,341,756	11,396	116,877,242	(2,416,724)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60-61)</b>	<b>70</b>	<b>405,051,111,457</b>	<b>220,739,121,164</b>	<b>405,051,111,457</b>	<b>220,739,121,164</b>


Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởngNguyễn Thành Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Thường trực điều hành

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2023

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDDC15/KDBH, từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là “Tổng Công ty”). Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022 là 1000 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 1.667 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.694 người).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

**Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

**Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và năm mươi một (51) đơn vị trực thuộc, bao gồm 50 Công ty thành viên (VNI Hà Nội, VNI Thành phố Hồ Chí Minh, VNI Đà Nẵng, VNI Nghệ An, VNI Hải Phòng, VNI Hải Dương, VNI Tây Nguyên, VNI Nam Hồng Hà, VNI Thăng Long, VNI Quảng Ninh, VNI Đông Đô, VNI Quảng Bình, VNI Bắc Giang, VNI Thanh Hóa, VNI Vĩnh Phúc, VNI Bình Định, VNI Đông Nam Bộ, VNI Sài Gòn, VNI Khánh Hòa, VNI Nam Tây Nguyên, VNI Quảng Ngãi, VNI Thủ đô, VNI Tây Nam Bộ, VNI Tân Sơn Nhất, VNI Thành Đô, VNI Bến Thành, VNI Long An, Sở Giao dịch, VNI Tây Bắc, VNI Trảng An, VNI Hà Thành, VNI Vũng Tàu, Sở Giao dịch 2; VNI Huế; VNI Duyên Hải; VNI Bình Dương; VNI Âu Lạc; VNI Gia Định; VNI Kinh Đô; VNI Vạn Xuân; VNI Hà Tuyên; VNI Lâm Đồng; VNI Nam Định; VNI Phú Thọ; VNI Tiền Giang; VNI Bắc Ninh, VNI Quảng Nam, VNI Thái Nguyên, VNI Bình Phước, VNI Kỹ Thuật Số và Văn phòng đại diện Miền Nam.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính Quý 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 50/2017/TT-BTC (“Thông tư 50”) hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm. Thông tư 50 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng các quy định tại Thông tư 50 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả, định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 2**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính*****Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2009/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định kế toán hiện hành. Cụ thể như sau:

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left[ \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực} \\ \text{tế của các bên} \\ \text{tại tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở} \\ \text{hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Tổng Công ty đã tính các khoản dự phòng dựa trên thông tin tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị này và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Tổng Công ty đã trích lập.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>2023</b>
	(Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng ty.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ**

Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, Công văn số 2846/BTC-QLBH của Bộ Tài chính ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

*Dự phòng phí chưa được hưởng:*

*- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

*- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Dự phòng phí gốc, nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính.

*Dự phòng bồi thường:* Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

*Dự phòng dao động lớn:* Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Dự phòng bảo hiểm nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe**

- *Dự phòng toán học (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm)*

*Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe người vay vốn chỉ bảo hiểm cho chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo phương pháp phí bảo hiểm thuần và cơ sở quy định tại gạch đầu dòng thứ hai, tiết a, điểm 3.1 khoản 3 điều 18 thông tư 50/2017/TT-BTC và điểm 1 Khoản 1 Thông tư 01/2019/TT-BTC của Bộ tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 1917/BTC-QLBH ngày 28 tháng 2 năm 2022.*

*Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe khác: áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 19 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018.*

- *Dự phòng phí chưa được hưởng (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống)*

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

*Dự phòng bồi thường:* Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Mức trích dự phòng đảm bảo cân đối được áp dụng là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

**Ký quỹ bảo hiểm**

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

**Ghi nhận doanh thu*****Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc***

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 2**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm (áp dụng đối với kỳ thanh toán phí bảo hiểm đầu tiên hoặc thanh toán phí bảo hiểm một lần). Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) hoặc phí bảo hiểm đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần được hạch toán khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

***Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm***

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

*- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

*- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính.

***Đối với các hoạt động khác***

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

**Ghi nhận chi phí**

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm và một số khoản chi phí dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình quản lý hợp

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

đồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm của hợp đồng bảo hiểm sức khỏe người vay vốn chỉ bảo hiểm cho chết và thương tật toàn bộ vĩnh viễn*

Áp dụng phân bổ theo tỷ lệ dự phòng toán học trên doanh thu phí bảo hiểm gốc.

- *Đối với các hợp đồng bảo hiểm khác có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	4,044,426,570	3,292,959,184
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	151,006,684,887	416,990,179,099
Tiền đang chuyển	-	218,526,321
Các khoản tương đương tiền (i)	250,000,000,000	30,000,000,000
	<b>405,051,111,457</b>	<b>450,501,664,604</b>

- (i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	986,050,741,809	(2,759,218,145)	479,236,770,751	(3,170,759,017)
<i>a) Chứng khoán kinh doanh</i>	<i>7,050,741,809</i>	<i>(2,759,218,145)</i>	<i>7,236,770,751</i>	<i>(3,170,759,017)</i>
- Tổng giá trị cổ phiếu	7,050,741,809	(2,759,218,145)	7,236,770,751	(3,170,759,017)
<i>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>979,000,000,000</i>	<i>-</i>	<i>472,000,000,000</i>	<i>-</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	979,000,000,000	-	472,000,000,000	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	621,370,802,312	-	783,438,876,674	-
<i>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>82,000,000,000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	82,000,000,000	-	-	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
<i>a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>1,990,000,000</i>	<i>-</i>	<i>36,990,000,000</i>	<i>-</i>
- Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	1,990,000,000	-	36,990,000,000	-
<i>b) Đầu tư dài hạn khác</i>	<i>537,380,802,312</i>	<i>-</i>	<i>746,448,876,674</i>	<i>-</i>
- Đầu tư mua cổ phiếu	537,380,802,312	-	746,448,876,674	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Phải thu phí bảo hiểm gốc</b>	<b>106,891,727,237</b>	<b>110,187,664,362</b>
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	100,959,052,091	102,748,256,607
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	5,932,675,146	7,439,407,755
<b>b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm</b>	<b>13,829,023,210</b>	<b>10,475,082,460</b>
<b>c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>251,671,263,405</b>	<b>206,140,389,980</b>
<b>d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm</b>	<b>7,952,052,951</b>	<b>4,995,953,504</b>
<b>e) Phải thu khác</b>	<b>1,338,817,442</b>	<b>1,355,586,218</b>
	<b>381,682,884,245</b>	<b>333,154,676,524</b>

**8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (i)	38,359,899,321	38,359,899,321
Phải thu khác của khách hàng về hoạt động đầu tư cổ phiếu	295,694,885,200	349,934,475,200
Phải thu khác	7,724,347	6,327,506
	<b>334,062,508,868</b>	<b>388,300,702,027</b>

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>253,774,521,526</b>	<b>504,517,142,995</b>
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	238,000,000	118,000,000
Tạm ứng	66,482,978,739	37,715,327,451
Phải thu ngắn hạn khác	187,053,542,787	466,683,815,544
<b>b) Dài hạn</b>	<b>13,174,667,774</b>	<b>13,411,594,192</b>
Ký quỹ bảo hiểm	7,000,000,000	7,000,000,000
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	6,174,667,774	6,411,594,192
	<b>266,949,189,300</b>	<b>517,928,737,187</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 2**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT****10. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN**

Nội dung	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên và không có khả năng thu hồi	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Phí bảo hiểm gốc	1,531,477,311	442,757,079	451,920,969	1,050,347,435	3,476,502,794
Phải thu tái bảo hiểm	1,121,418,202	106,269,289	82,529,654	235,062,264	1,545,279,409
Nợ khác				803,469,932	803,469,932
<b>Cộng</b>	<b>2,652,895,513</b>	<b>549,026,368</b>	<b>534,450,623</b>	<b>2,088,879,631</b>	<b>5,825,252,135</b>

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2023.

	30/6/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	<b>44,185,151,456</b>	<b>41,893,276,226</b>	<b>42,378,479,747</b>	<b>41,006,857,073</b>
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321
Các đối tượng khác	5,825,252,135	3,533,376,905	4,018,580,426	2,646,957,752

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Đầu năm đến hết Quý 2/2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</b>		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	49,994,885,421	49,994,885,421
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong kỳ/năm	22,990,774,722	65,470,957,360
- Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	24,960,153,103	65,470,957,360
<b>- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm</b>	<b>48,025,507,040</b>	<b>49,994,885,421</b>
<b>2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5,423,122,861	3,401,820,776
	<b>53,448,629,901</b>	<b>53,396,706,197</b>

**12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	473,398,743,896	424,816,344,062
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	282,831,999,053	315,042,947,652
	<b>756,230,742,949</b>	<b>739,859,291,714</b>

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	5,821,411,775	16,467,670,040	22,289,081,815
Mua sắm mới	-	440,900,000	440,900,000
Thanh lý, nhượng bán	-	(205,691,800)	(205,691,800)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5,821,411,775</b>	<b>16,702,878,240</b>	<b>22,524,290,015</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	3,844,188,834	14,212,189,229	18,056,378,063
Trích khấu hao	299,007,895	471,236,693	770,244,588
Thanh lý, nhượng bán	-	(205,691,800)	(205,691,800)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4,143,196,729</b>	<b>14,477,734,122</b>	<b>18,620,930,851</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu kỳ	1,977,222,941	2,255,480,811	4,232,703,752
Tại ngày cuối kỳ	1,678,215,046	2,225,144,118	3,903,359,164

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	7,064,854,959	7,064,854,959
Tăng do mua sắm	-	-
Số dư cuối kỳ	7,064,854,959	7,064,854,959
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	3,733,395,009	3,733,395,009
Trích khấu hao	547,536,476	547,536,476
Số dư cuối kỳ	4,280,931,485	4,280,931,485
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	3,331,459,950	3,331,459,950
Tại ngày cuối kỳ	2,783,923,474	2,783,923,474

**15. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
a) Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	491,678,439,934	352,103,295,489
b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	4,805,117,597	5,098,545,197
c) Phải trả bồi thường bảo hiểm	17,267,641,198	27,630,619,774
d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm	14,874,847,332	11,929,787,010
e) Phải trả khác	48,698,510,386	17,367,981,035
	<b>577,324,556,447</b>	<b>414,130,228,505</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,267,423,963	6,149,635,887
<b>Cộng</b>	<b>4,267,423,963</b>	<b>6,149,635,887</b>

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Các khoản phải nộp</b>		
Thuế GTGT	7,729,530,122	15,320,237,249
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	967,540,706
Thuế nhà thầu nước ngoài	65,530,358	109,221,513
Thuế, phí phải nộp khác	96,921,534	518,330,142
	<b>7,891,982,014</b>	<b>16,915,329,610</b>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng</b>		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	133,239,429,733	112,803,915,104
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong kỳ/năm	76,275,923,956	130,104,631,995
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong kỳ/năm	(65,938,663,148)	(109,669,117,366)
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	<b>143,576,690,541</b>	<b>133,239,429,733</b>

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Phải trả bảo hiểm xã hội	7,561,444	19,784,610
Phải trả bảo hiểm y tế	9,058,840	9,021,599
Phải trả kinh phí công đoàn	2,369,794,600	1,289,274,073
Phải trả các cổ đông	3,546,757,905	3,568,039,495
Phải trả khác	4,799,575,402	3,538,578,047
	<b>10,732,748,191</b>	<b>8,424,697,824</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

Đơn vị: VND

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí, dự phòng toán học chưa được hưởng	Số cuối kỳ		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
<b>1. Dự phòng bồi thường</b>	<b>551,331,163,093</b>	<b>282,831,999,053</b>	<b>268,499,164,040</b>
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	474,952,601,291	254,572,646,069	220,379,955,222
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	76,378,561,802	28,259,352,984	48,119,208,818
<b>2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học</b>	<b>1,194,363,744,945</b>	<b>473,398,743,896</b>	<b>720,965,001,049</b>
<b>Cộng</b>	<b>1,745,694,908,038</b>	<b>756,230,742,949</b>	<b>989,464,165,089</b>

Trong đó chi tiết:

1. Dự phòng bồi thường	Năm 2023		
	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	638,290,134,566	315,042,947,652	323,247,186,914
Số trích lập trong kỳ	(86,958,971,473)	(32,210,948,599)	(54,748,022,874)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>551,331,163,093</b>	<b>282,831,999,053</b>	<b>268,499,164,040</b>

2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	Năm 2023		
	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	1,243,304,655,032	424,816,344,062	818,488,310,970
Số trích lập trong kỳ	(48,940,910,087)	48,582,399,834	(97,523,309,921)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1,194,363,744,945</b>	<b>473,398,743,896</b>	<b>720,965,001,049</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối**

	Từ đầu năm đến hết Quý 2/2023	Năm 2022
Số dư đầu kỳ	104,136,773,491	84,028,479,444
Số trích lập thêm trong kỳ	6,134,397,737	20,108,294,047
Số dư cuối kỳ	110,271,171,228	104,136,773,491

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2022	1,000,000,000,000	13,070,883,929	39,204,400,920	1,052,275,284,849
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	200,000,000,000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	20,758,247,308	20,758,247,308
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	1,037,912,365	(1,037,912,365)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4,400,919)	(4,400,919)
Số dư tại ngày 31/12/2022	1,000,000,000,000	14,108,796,294	58,920,334,944	1,073,029,131,238
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2023	1,000,000,000,000	14,108,796,294	58,920,334,944	1,073,029,131,238
Lợi nhuận/(Lỗ) trong kỳ	-	-	6,997,943,912	6,997,943,912
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	349,897,196	(349,897,196)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(720,334,944)	(720,334,944)
Số dư tại ngày 30/06/2023	1,000,000,000,000	14,458,693,490	64,848,046,716	1,079,306,740,206

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phí bảo hiểm gốc</b>	<b>1,114,175,968,538</b>	<b>1,422,237,798,966</b>
Bảo hiểm hàng không	-	3,826,601,300
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	105,135,495,903	301,459,803,800
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	36,724,687,467	40,181,394,032
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	25,970,981,080	27,025,034,874
Bảo hiểm xe cơ giới	822,952,674,039	926,897,217,155
Bảo hiểm cháy nổ	88,868,271,801	92,643,890,546
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	29,050,335,726	25,122,144,437
Bảo hiểm trách nhiệm chung	4,798,341,938	3,847,618,883
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	675,180,584	1,234,093,939
<b>Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc</b>	<b>(881,020,523)</b>	<b>(1,038,518,530)</b>
<b>Phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>16,366,582,885</b>	<b>19,725,954,687</b>
Bảo hiểm hàng không	-	110,108,747
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	2,804,957,424	5,346,581,286
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	8,076,935,370	9,462,682,848
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	763,523,594	114,846,329
Bảo hiểm xe cơ giới	-	27,623,346
Bảo hiểm cháy nổ	4,329,913,558	2,322,624,412
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	(4,229)	2,197,838,215
Bảo hiểm trách nhiệm chung	367,581,287	7,149,450
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	23,675,881	136,500,054
Bảo hiểm trách nhiệm chung		
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh		
Bảo hiểm nông nghiệp		
<b>Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>(23,889,700)</b>	<b>(25,613,705)</b>
<b>(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>48,940,910,087</b>	<b>20,039,862,977</b>
	<b>1,178,578,551,287</b>	<b>1,460,939,484,395</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2022
	VND	VND
<b>Tổng phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>516,197,867,471</b>	<b>420,647,039,328</b>
Bảo hiểm hàng không	-	3,753,206,693
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	69,410,376,473	10,625,206,836
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	26,480,942,848	26,164,107,906
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	11,955,858,904	16,837,012,642
Bảo hiểm xe cơ giới	321,836,198,479	273,507,957,326
Bảo hiểm cháy nổ	62,912,008,971	70,218,481,944
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	21,834,349,925	17,448,588,190
Bảo hiểm trách nhiệm chung	1,235,560,185	1,451,114,581
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	532,571,686	641,363,210
<b>(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(48,582,399,834)</b>	<b>(42,685,022,142)</b>
	<b>467,615,467,637</b>	<b>377,962,017,186</b>

**22. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2022
	VND	VND
<b>Tổng chi bồi thường</b>	<b>544,954,539,661</b>	<b>399,641,578,651</b>
Bảo hiểm hàng không	195,031,836	311,360,661
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	32,875,831,558	22,576,920,521
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	10,729,123,998	6,291,458,284
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	14,345,179,381	10,426,740,908
Bảo hiểm xe cơ giới	469,096,827,282	338,969,083,409
Bảo hiểm cháy nổ	7,595,026,541	3,752,701,856
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	7,620,119,900	16,454,451,263
Bảo hiểm trách nhiệm chung	2,497,399,165	858,861,749
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	-	-
<b>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(204,635,291,719)</b>	<b>(140,054,326,902)</b>
<b>Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>(86,958,971,473)</b>	<b>163,220,226,453</b>
<b>(Tăng)/Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>32,210,948,599</b>	<b>(93,373,969,317)</b>
	<b>285,571,225,068</b>	<b>329,433,508,885</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2022
	VND	VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	48,505,863,906	94,183,924,623
Chi đòi người thứ ba	-	-
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	9,230,158	-
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	-	-
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	749,357,319	705,514,885
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	354,173,577,585	563,411,190,092
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác bảo hiểm	122,030,135,107	138,028,541,867
Chi khác	1,863,818,246	408,056,937
	<b>527,331,982,321</b>	<b>796,737,228,404</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	31,477,327,288	13,025,625,534
Lãi kinh doanh chứng khoán	17,349,827,727	86,966,889,335
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	151,300,000	5,036,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	571,899,904	637,013,421
Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4,463,013,704	10,413,698,630
	<b>54,013,368,623</b>	<b>116,079,226,920</b>

**25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2022
	VND	VND
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(411,540,872)	943,110,494
Chi phí kinh doanh chứng khoán	22,902,245	12,436,679,837
Chi phí lãi vay	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	357,531,149	252,904,295
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	1,100,000
	<b>(31,107,478)</b>	<b>13,633,794,626</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý, chi có tính chất phúc lợi	91,770,198,809	102,282,501,328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34,031,222,004	30,159,958,964
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	886,419,153	138,863,198
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,311,003,286	1,391,151,298
Chi phí dụng cụ văn phòng	4,294,705,927	4,812,091,922
Chi phí vật liệu quản lý	1,545,069,261	1,696,621,180
Thuế, phí và lệ phí	302,807,903	735,332,765
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	281,572,112	280,102,339
Chi phí quản lý khác	1,110,467,701	738,674,689
	<b>135,533,466,156</b>	<b>142,235,297,683</b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ đầu năm đến hết Quý 2/2023	Từ đầu năm đến hết Quý 2/2022
	VND	VND
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>8,880,155,836</b>	<b>42,426,235,597</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(268,177,242)	(5,037,867,711)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	799,081,025	538,972,005
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>9,411,059,619</b>	<b>37,927,339,891</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</b>	<b>1,882,211,924</b>	<b>7,585,467,978</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**28. BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN:**

Chỉ tiêu	Tại ngày 30/06/2023			Tại ngày 30/06/2022		
	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	Giá trị loại trừ tính biên	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	Giá trị loại trừ tính biên
<b>1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả</b>	<b>1,079,307</b>		<b>416,089</b>	<b>1,087,112</b>		<b>488,731</b>
<b>2. Các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán:</b>	<b>2,229,282</b>			<b>1,547,950</b>		
a) Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng,...	1,473,051	0%		749,193	0%	
b) Tài sản tái bảo hiểm	756,231	0%		798,757	0%	
<b>3. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán</b>	<b>1,430,681</b>		<b>242,869</b>	<b>2,158,734</b>		<b>378,971</b>
a) Các tài sản đầu tư (trừ các khoản đầu tư quy định tại điểm g, khoản 4 Mẫu này):	<u>543,662</u>		<u>108,518</u>	<u>1,197,103</u>		<u>232,650</u>
+ Cổ phiếu được niêm yết, chứng chỉ quỹ	4,292	15%	644	135,401	15%	20,310
+ Cổ phiếu không được niêm yết	537,381	20%	107,476	1,024,711	20%	204,942
+ Vốn góp vào các doanh nghiệp khác (trừ vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu)	1,990	20%	398	36,990	20%	7,398
b) Các khoản phải thu:	<u>3,834</u>		<u>1,205</u>	<u>7,872</u>		<u>2,490</u>
+ Phải thu phí bảo hiểm quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm	2,774	30%	832	6,942	30%	2,082
+ Phải thu phí bảo hiểm quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	221	50%	111	499	50%	250
+ Phải thu tái bảo hiểm quá hạn từ 90 ngày đến dưới 1 năm	785	30%	235	287	30%	86
+ Phải thu tái bảo hiểm quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	53	50%	27	143	50%	72
c) Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho.	<u>6,687</u>	25%	<u>1,672</u>	<u>7,671</u>	25%	<u>1,918</u>
d) Tài sản khác	876,497	15%	131,475	946,088	15%	141,913
<b>4. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán:</b>	<b>173,220</b>		<b>173,220</b>	<b>109,760</b>		<b>109,760</b>
a) Các khoản vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu		100%			100%	
b) Các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật		100%			100%	
c) Tài sản cố định vô hình trừ phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất		100%			100%	
d) Chi phí trả trước; các khoản tạm ứng	173,059	100%	173,059	109,530	100%	109,530
đ) Phải thu phí bảo hiểm quá hạn từ 02 năm trở lên ;	136	100%	136	227	100%	227
e) Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm quá hạn từ 02 năm trở lên	25	100%	25	2	100%	2
g) Các khoản đầu tư trở lại cho các cổ đông (thành viên) góp vốn trừ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng		100%			100%	
<b>5. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm</b>			<b>663,218</b>			<b>598,381</b>
<b>6. Biên khả năng thanh toán tối thiểu</b>			<b>401,004</b>			<b>457,043</b>
- 25% tổng phí bảo hiểm thực giữ lại tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán	1,604,017		401,004	1,828,171		457,043
- 12,5% của tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán	2,545,995		318,249	2,635,656		329,457
<b>7. So sánh 5 và 6:</b>			<b>262,214</b>			<b>141,338</b>
			<b>165.4%</b>			<b>131%</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

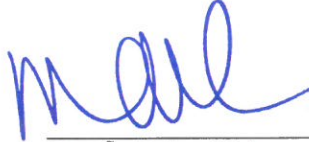
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt vào ngày 20 tháng 7 năm 2023



Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Mai  
Kê toán trưởng



Nguyễn Thành Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Thường trực điều hành

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2023

